TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19/7/2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Ông Vũ Mạnh Cường**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* **Ông Lương Hùng Việt**
Ông Trần Văn Trung
- *Thư ký phiên tòa:* **Ông Hà Văn Tuấn** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa:* **Ông Nguyễn Xuân Thanh** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 285/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Bích H**; sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số 448, tổ 11, ấp N, xã B, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Phạm Hồng L**, sinh năm 1986.

HKTT: Số 448, tổ 11, ấp N, xã B, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Tổ 2, ấp H, xã H1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai

- *Người làm chứng:*

1. Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1954

Địa chỉ: Số 488, tổ 11, ấp N, xã B, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà **Nguyễn Thị Thúy H1**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số 488, tổ 11, ấp N, xã B, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H, anh L, bà N và bà H1 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/3/2023, bản tự khai đề ngày 31/3/2023, các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích H trình bày:***

Chị Nguyễn Thị Bích H và anh Nguyễn Phạm Hồng L sau thời gian quen biết nhau, tìm hiểu thì tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Thống Nhất vào ngày 16/8/2014. Đây là hôn nhân lần đầu của chị H.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại nhà bố mẹ của chị H tại số 488, tổ 11, ấp N, xã B, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, vợ chồng chung sống được khoảng ba năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, không quan tâm chăm sóc vợ con, vợ chồng nhiều lần cãi nhau dẫn đến tình cảm ngày càng phai nhạt. Chị H đã góp ý với anh L nhiều lần nhưng anh L vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn giữa chị H và anh L đã được gia đình hai bên hòa giải những vẫn không thể giải quyết được. Do mâu thuẫn trầm trọng nên cách đây 03 năm chị H và anh L không còn chung sống với nhau, anh L đã chuyển về nhà cha mẹ ruột ở xã H để sinh sống và làm việc. Từ đó đến nay giữa chị H và anh L đã không còn sống chung, không liên lạc, không quan tâm lo lắng cho nhau, mạnh ai nấy sống, giữa anh chị không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Phạm Hồng L.

- *Về con chung*: Theo chị H trình bày, vợ chồng chung sống có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoài Thiện T, sinh ngày 30/3/2017 và cháu Nguyễn Hoài Thanh H, sinh ngày 10/12/2019. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung và chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị H không còn yêu cầu gì khác, ngày 22/5/2023 chị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

**** Theo bản tự khai ngày 14/4/2023, các lời khai tiếp theo bị đơn anh Nguyễn Phạm Hồng L trình bày:***

Anh Nguyễn Phạm Hồng L thừa nhận về quan hệ hôn nhân giữa anh với chị Nguyễn Thị Bích H như chị H trình bày là đúng và đây là lần đăng ký kết hôn đầu của anh L.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ của chị H tại số 488, tổ 11, ấp N, xã B, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng chưa thật sự thấu hiểu, thông cảm và nhường nhịn nhau. Ngoài ra anh L đi làm ăn xa để lo kinh tế của gia đình nên không có nhiều thời gian quan tâm, chăm sóc vợ con, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Anh L đã nhiều lần nói chuyện với chị H để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, ngoài ra anh cũng đã nhờ người thân của chị H góp ý, hòa giải nhưng chị H không lắng nghe và nhất quyết ly hôn. Từ tháng 6/2019 đến nay vợ chồng không còn chung sống với nhau, mỗi người một nơi, anh L về nhà bố mẹ đẻ ở xã H, huyện Thống Nhất để sinh sống. Nay nhận thấy mâu thuẫn

giữa vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn nên anh L không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

- *Về con chung:* Anh L thừa nhận, vợ chồng chung sống có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoài Thiện T, sinh ngày 30/3/2017 và cháu Nguyễn Hoài Thanh H, sinh ngày 10/12/2019. Trường hợp chị H vẫn kiên quyết ly hôn thì anh L đồng ý giao các con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L không cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Anh L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh L không còn yêu cầu gì khác. Ngày 14/4/2023 anh Nguyễn Phạm Hồng L có đơn xin xét xử vắng mặt.

+/ Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Tòa án, người tiến hành tố tụng và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm về quan hệ tố tụng, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng khi giải quyết vụ án.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H và anh L ly hôn. Giao các con chung là cháu Nguyễn Hoài Thiện T, sinh ngày 30/3/2017 và cháu Nguyễn Hoài Thanh H, sinh ngày 10/12/2019 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Nguyễn Phạm Hồng L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung và nợ riêng đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2023 cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích H và bị đơn anh Nguyễn Phạm Hồng L. Ngày 22/5/2023 chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, ngày 14/4/2023 anh Nguyễn Phạm Hồng L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Bích H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Phạm Hồng L và yêu cầu được nuôi con chung nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Nguyễn Phạm Hồng L hiện đang cư trú tại tổ 2, ấp H, xã H1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về xác định tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định chị Nguyễn Thị Bích H là nguyên đơn, anh Nguyễn Phạm Hồng L là bị đơn. Điều 77 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Thúy H1 là người làm chứng.

[5] Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, án phí và quyền kháng cáo nên áp dụng các Điều 28, 35, 39, 68, 77, 147, 131, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 10, 11, 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và 85 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] Về đường lối giải quyết: Chị Nguyễn Thị Bích H và anh Nguyễn Phạm Hồng L khi kết hôn trên cơ sở tự nguyện không vi phạm các điều kiện kết hôn theo luật định, được Ủy ban nhân dân xã B, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/8/2014 (BL 06) theo quy định tại Điều 9, 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo hộ. Trong cuộc sống hôn nhân gia đình, anh L và chị H cùng thừa nhận giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng không còn sống chung với nhau, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng (BL 21, 26) điều này phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ở biên bản xác minh tại chính quyền địa phương và lời khai của những người làm chứng (BL 22, 24, 30).

[6.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị H tình trạng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H yêu cầu ly hôn là phù hợp với Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[6.2] Xét ý kiến, yêu cầu của anh L: Theo anh L mâu thuẫn giữa anh với chị H chưa đến mức phải ly hôn, anh L vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị H nên anh không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên anh L không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét yêu cầu của anh L không phù hợp với nhận định trên và Luật Hôn nhân gia đình nên không được chấp nhận.

[7] Về con chung: Anh L và chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoài Thiện T, sinh ngày 30/3/2017 và cháu Nguyễn Hoài Thanh H, sinh ngày 10/12/2019. Xét yêu cầu của chị H được nuôi dưỡng hai con chung là có căn cứ. Bởi lẽ, từ thời gian vợ chồng không còn sống chung thì hai con chung do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án anh L trình bày, trường hợp ly hôn thì anh L đồng ý để chị H được trực tiếp nuôi hai con chung. Để đảm bảo sự ổn định về sinh hoạt, sự phát triển về thể chất của các con chung, xét yêu cầu của chị H về việc được nuôi hai con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[8] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án, chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

[9] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[10] Về nợ chung, nợ riêng: Các đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Chị H, anh L được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[13] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên nên cần ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 9, 10, 11, 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và 85 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí

[2.] Tuyên xử:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích H về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" với anh Nguyễn Phạm Hồng L. Xử cho chị Nguyễn Thị Bích H và anh Nguyễn Phạm Hồng L ly hôn.

[2.2] Về con chung: Giao các con chung là cháu Nguyễn Hoài Thiện T, sinh ngày 30/3/2017 và cháu Nguyễn Hoài Thanh H, sinh ngày 10/12/2019 cho chị Nguyễn Thị Bích H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh Nguyễn Phạm Hồng L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

[2.4] Khi ly hôn, anh L vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung (quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con …).

[2.5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.6] Về nợ chung, nợ riêng: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0009320 ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị H đã nộp đủ án phí.

[4] Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Thống Nhất;
- CCTHADS H. Thống Nhất;
- UBND xã B, H. Thống Nhất (Giấy CNKH số 96/2014);
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Mạnh Cường